TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **608**/2023/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 06 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 141/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Ngọc T, sinh năm 1966; địa chỉ: 144/25/13 L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Ngọc Anh L, sinh năm 1966; địa chỉ: 144/25/13 L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Ngọc T và ông Nguyễn Ngọc Anh L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Ngọc T và ông Nguyễn Ngọc Anh L thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 119/UB, ngày 28/11/1994 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà T và ông L không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Hai bên xác nhận, vợ chồng có hai con chung tên là Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 26/12/2003 và Nguyễn Ngọc Minh L, sinh

ngày 31/01/1998. Do các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Hai bên xác nhận không có.

- Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà T đã nộp theo Biên lai thu số 0013564 ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho bà T số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai trên.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. T;
- Chi cục THADS Q. T;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Oanh).

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Văn Chinh